Số: 11402/UBND-TTHC; 01/11/2026; 16:20:41; +07:00

Phụ lục I

THỐNG KÊ KẾT QUẢ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC PHÂN CẤP, PHÂN QUYỀN[1]

(Kèm theo Công văn số 11402/UBND-TTHC ngày 01 tháng 11 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Quy định về thẩm quyền trước đây[2]				Quy định về thẩm quyền hiện nay[3]		Số lượng hồ sơ tiếp nhận[4]	Đánh giá
			Chính phủ	Thủ tướng Chính phủ	Bộ, ngành	Cấp tỉnh	Tỉnh	Xã		
I	**Lĩnh vực: Nông nghiệp và Môi trường**									
1	1.014736	Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị				x	x		0	0
2	2.001427	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật			x		x		0	
3	1.002560	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật			x		x		0	
4	2.001236	Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật			x		x		0	
5	1.003971	Cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật			x		x		3	
6	1.007926	Cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón			x		x		0	
7	1.007927	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón			x		x		1	

8	1.007928	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón			x		x		1	
9	1.007929	Cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón			x		x		0	
10	1.003395	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu			x		x		0	
11	2.001062	Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc bảo vệ thực vật nhập khẩu			x		x		0	
12	2.002338	Chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu được hưởng miễn thuế nhập khẩu theo hạn ngạch			x		x		0	
13	2.002339	Chứng nhận lại chủng loại gạo thơm xuất khẩu được hưởng miễn thuế nhập khẩu theo hạn ngạch			x		x		0	
14	1.010090	Công nhận các tiêu chuẩn Thực hành nông nghiệp tốt khác (GAP khác) cho áp dụng để được hưởng chính sách hỗ trợ trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản			x		x		0	
15	1.012072	Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng			x		x		0	
16	1.012071	Sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ			x		x		0	
17	1.012070	Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc			x		x		0	
18	1.012063	Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng			x		x		0	

19	1.012064	Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng			x		x		0	
20	1.012062	Cấp Giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng			x		x		0	
21	1.007999	Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế (bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng).			x		x		0	
22	1.007994	Cấp phép xuất khẩu giống cây trồng và hạt lai của giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại.			x		x		0	
23	2.001730	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường			x		x		0	
24	2.001726	Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường			x		x		0	
25	1.003111	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước			x		x		0	

26	1.003082	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005			x		x		0	
27	1.003058	Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước			x		x		0	
28	2.001254	Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước			x		x		0	
29	1.002996	Miễn kiểm tra giám sát cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm			x		x		0	
30	1.003814	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra thông thường thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường			x		x		12	
31	2.001604	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra chặt thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường			x		x		0	
32	3.000179	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp			x		x		0	Từ khi công bố TTHC đến nay chưa phát sinh hồ sơ; Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 15/01/2026; Quyết định số 379/QĐ-BNNMT

33	3.000180	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp do bị mất, bị hỏng			x		x		0	Đã bị bãi bỏ tại Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 15/01/2026
34	1.004929	Cấp giấy phép nhập khẩu tàu cá, thuê tàu trần			X		X		0	
35	1.003726	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá (đối với cơ sở đăng kiểm tàu cá trên địa bàn quản lý trừ cơ sở đăng kiểm tàu cá thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý)			X		X		0	
36	1.004694	Công bố mở cảng cá loại I, loại II			X		X		0	
37	1.004683	Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản			X		X		0	
38	1.004683	Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản			X		X		0	
39	1.014834	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý từ 02 tỉnh, thành phố trở lên và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)			X		X		0	
40	1.004794	Cấp, cấp lại giấy phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm			X		X		0	

41	2.001694	Cấp, cấp lại giấy phép nhập khẩu giống thủy sản không có tên trong Danh mục loài thuỷ sản được phép kinh doanh tại Việt Nam để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm			X		X		0	
42	1.014834	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã)			X		X		0	
43	3.000435	Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh			X		X		0	
44	3.000436	Sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh			X		X		0	
45	1.003851	Cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thuỷ sản nguy cấp, quý, hiếm (để mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu hoặc để hợp tác quốc tế)			X		X		0	
46	1.004923	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai xã trở lên)			X		X		0	
47	1.004921	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai xã trở lên)			X		X		0	

48	1.003956	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thuộc địa bàn quản lý				X		X	0	
49	1.000886	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý).				X		X	0	
50	1.004478	Công bố mở cảng cá loại 3 (cấp huyện)				X		X	0	
51	1.004656	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên.				X		X	0	
52	1.00468	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng				X		X	0	
53	1.014801	Cấp, cấp lại Giấy xác nhậnnuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực(hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý và cơ sở nuôitrồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biểncủa Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã)				X		X	0	
54	3.000439	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thuỷ sản				X		X	0	
55	3.000441	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thuỷ sản				X		X	0	
56	3.000442	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thuỷ sản				X		X	0	

57	3.000443	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thuỷ sản				X		X	0	
58	1.013128	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở kinh doanh xăng, dầu chỉ có nguy cơ xảy ra tràn dầu ở mức nhỏ trên đất liền, trên sông, trên biển				X		X	0	
59	1.116564	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư				x	x		38	
60	1.116565	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất và trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng				x	x		411	
61	1.116566	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển				x	x			
62	1.116567	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất				x	x		11	
63	1.116568	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất,				x	x		7	

		cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa								
64	1.116569	Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất				x	x		17	
65	1.116570	Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất theo dự án đầu tư theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị quyết số 254/2025/QH15				x	x			
66	1.116571	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất				x	x		13	
67	1.116572	Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất				x	x		1	
68	1.116573	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích				x	x		4	
69	1.116574	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất				x	x		41	
70	1.010719	Cấp giấy phép môi trường (cấp Bộ)			X		X		01	
71	1.010733	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường			x		x		52	
72	1.001662	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất						x	0	Chưa phát sinh hồ sơ
73	1.012505	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vẫn hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền					x			
74	1.009669	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên					x			

		nước đối với công trình chưa vận hành								
75	2.001770	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành			X		X		02	
76	1.004283	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước					x			
77	1.004122	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất					x			
78	2.001738	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất					x			
79	1.004253	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất					x			
80	1.012501	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất					x			
81	1.012498	Chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước					x			
82	1.000824	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước					x			
83	1.004228	Gia hạn, điều chỉnh cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m^3/ngày đêm			x		x			
84	1.004223	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình dưới quy mô dưới 5.000 m^3/ngày đêm			x		x			
85	1.004211	Gia hạn điều chỉnh cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000m^3/ngày đêm			x		x			
86	1.004179	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước					x			

		biển (đối với các quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 và các trường hợp quy định tại điểm c, đ, e và khoản 4 Điều 31 Nghị định 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025)								
87	1.004167	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển					x			
88	1.001740	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là UBND tỉnh)			x		x		01	
89	1.001645	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan lấy ý kiến là UBND cấp huyện)					x			
90	1.012500	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước					x			
91	1.011518	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước					x			
92	1.000824	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước					x			
93	1.011478	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh động vật cấp tỉnh; vùng an toàn dịch bệnh động vật theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc phục vụ xuất khẩu trong trường hợp nước nhập khẩu yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp trung ương thẩm định, cấp Giấy chứng nhận)			x		x		0	
94	1.011475	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn			x		x		4	

		dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh động vật theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc phục vụ xuất khẩu trong trường hợp nước nhập khẩu yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp trung ương thẩm định, cấp Giấy chứng nhận)								
95	1014741	Công nhận kết quả khảo nghiệm dòng, giống vật nuôi			x		x		0	
96	1014743	Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi			x		x		0	
97	1.014951	Thông báo phương án chăn nuôi, phương án quản lý và kiểm soát nguy cơ rủi ro trong hoạt động chăn nuôi ruồi lính đen			x		x		0	
98	1.014952	Cấp mã số định danh cơ sở chăn nuôi			x		x		0	
99	1.014953	Thu hồi mã số định danh cơ sở chăn nuôi			x		x		0	
100	1.014954	Cấp lại mã số định danh cơ sở chăn nuôi			x		x		0	
101	1.011031	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi			x		x		0	
102	1.011033	Cấp giấy phép nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi có chứa chất mới để khảo nghiệm, nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm, làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm hoặc sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu			x		x		0	
103	1.011030	Công nhận kết quả khảo nghiệm sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi			x		x		0	
104	1.004756	Cấp Chứng chỉ hành nghề thú y			x		x		190	
105	1.004734	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y			x		x		0	

106	1.002549	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc - xin)			x		x		0	
107	1.014777	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc - xin)			x		x		0	
108	1.002432	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc - xin) trong trường hợp bị sai sót, thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký			x		x		0	
109	1.013809	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma tuý, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc - xin)			x		x		0	
110	1.013813	Sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma tuý, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc - xin)			x		x		0	
111	1.013811	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc - xin)			x		x		0	
112	1.002409	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y			x		x		0	
113	1.014778	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y			x		x		0	
114	1.002373	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú			x		x		0	

		y trong trường hợp bị sai sót, thay đổi thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký								
115	1.008128	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn				x	x		1	
116	1.008126	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở trên địa bàn (trừ trường hợp cơ sở sản xuất xuất khẩu theo yêu cầu nước nhập khẩu)				x	x		0	
117	1.012832	Đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công				x	x		0	
118	1.012833	Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công				x	x		0	
119	1.012834	Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước				x	x		0	
120	1.008122	Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường			x		x		0	
121	1.014958	Thông báo phương án chăn nuôi, phương án quản lý và kiểm soát nguy cơ rủi ro trong hoạt động chăn nuôi bò cạp trên địa bàn tỉnh			x		x		0	
122	3.000125	Chấp thuận trao đổi quốc tế nguồn gen giống vật nuôi có trong danh mục giống vật nuôi cấm xuất khẩu để phục vụ nghiên cứu khoa học, triển lãm, quảng cáo			x		x		0	
123	1.116575	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với				x	x		0	

		trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất								
124	1.116576	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014				X	X		1	
125	1.116577	Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật về nhà ở nội dung đã đăng ký				x	x		743	
126	1.116578	Đăng ký biến động chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền				x	x		59	
127	1.116579	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ trên Giấy chứng nhận đã cấp				x	x		18	
128	1.116580	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận				x	x		1128	

		quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai hoặc bản án, quyết định của Tòa án, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành; quyết định hoặc phán quyết của Trọng tài thương mại Việt Nam về giải quyết tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài								
129	1.116581	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp				x	x		13129	
130	1.116582	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên				x	x		7912	
131	1.116583	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu				x	x		91312	

		tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm								
132	1.116584	Thu hồi, hủy Giấy chứng nhận đã cấp và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất sau khi thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp				x	x		0	
133	1.116585	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất				x	x		2955	
134	1.116586	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định				x	x		93	
135	1.116587	Tách thửa đất, hợp thửa đất				x	x		10139	
136	1.116588	Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp				x	x		0	
137	1.116589	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp				x	x		1992	
138	1.116590	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất				x	x		40529	
139	1.116591	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với				x	x		0	

		trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận								
140	1.116592	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với toàn bộ diện tích đất đang sử dụng quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP và khoản 4 Điều 24 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 6 Điều 12 Nghị định 49/2026/NĐ-CP				x	x		0	
141	1.116593	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng				x	x		0	
142	1.116594	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được giao đất để quản lý				x	x		0	
143	1.116595	Đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu				x	x		0	
144	1.116606	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận						X		

145	1.116607	Thu hồi, hủy Giấy chứng nhận đã cấp và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất sau khi thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp						X		
146	1.116608	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp						X		
147	1.116609	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài						X		
148	1.116610	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004						X		
II	**Lĩnh vực: Văn hóa, Thể thao và Du lịch**									
1	1.001106	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định di vật, cổ vật			x		x		0	Giữ nguyên
2	1.001123	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định di vật, cổ vật			x		x		0	Giữ nguyên
3	1.001822	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích			x		x		06	Giữ nguyên
4	1.002003	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích			x		x		1	Giữ nguyên
5	1.003738	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề kinh doanh di vật, cổ vật			x		x		0	Giữ nguyên
6	1.003793	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập			x		x		0	Giữ nguyên
7	1.003838	Thủ tục cho phép người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài			x		x		0	Giữ nguyên

		tiến hành nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương								
8	1.003901	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích			x		x		19	Giữ nguyên
9	1.013456	Thủ tục cấp phép nhập khẩu di vật, cổ vật không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh			x		x		0	Giữ nguyên
10	1.013801	Thủ tục cho phép người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu, sưu tầm di sản tư liệu (địa phương)			x		x		0	Giữ nguyên
11	1.014217	Thủ tục lấy ý kiến đối với việc sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới (trường hợp không cấp giấy phép xây dựng)			x		x		0	Giữ nguyên
12	1.014218	Thủ tục lấy ý kiến đối với việc xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích, nằm ngoài vùng đệm của khu vực di sản thế giới có khả năng tác động tiêu cực đến yếu tố gốc cấu thành di tích, cảnh quan văn hóa của di tích, di sản thế giới (trường hợp không cấp giấy phép xây dựng)			x		x		0	Giữ nguyên
13	1.014608	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyên gia giám định di vật, cổ vật			x		x		0	Giữ nguyên
14	1.014611	Thủ tục cấp giấy phép làm bản sao di vật, cổ vật			x		x		0	Giữ nguyên
15	1.014609	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận chuyên gia giám định di vật, cổ vật							0	Giữ nguyên
16	1.014615	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư kinh doanh di vật, cổ vật			x		x		0	Giữ nguyên

17	1.014614	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư kinh doanh di vật, cổ vật			x		x		0	Giữ nguyên
18	1.014612	Thủ tục cấp giấy phép làm bản sao di sản tư liệu được ghi vào Danh mục quốc gia về di sản tư liệu (cấp tỉnh)			x		x		0	Giữ nguyên
19	1.014613	Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập			x		x		0	Giữ nguyên
20	1.014610	Thủ tục bồi hoàn chi phí thực hiện việc đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia có nguồn gốc Việt Nam từ nước ngoài về nước (cấp tỉnh)			x		x		0	Giữ nguyên
21	1.014616	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề kinh doanh di vật, cổ vật			x		x		0	Giữ nguyên
22	2.001591	Thủ tục cấp phép khai quật khảo cổ khẩn cấp			x		x		0	Giữ nguyên
23	2.001641	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích			x		x		0	Giữ nguyên
24	2.001631	Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật			x		x		0	Giữ nguyên
25	1.011452	Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim tại Việt Nam			x		x		0	Giữ nguyên
26	1.011454	Thủ tục cấp Giấy phép phân loại phim (cấp tỉnh)			x		x		0	Giữ nguyên
27	2.002897	Thủ tục phát hành, phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị không phát sinh doanh thu (cấp tỉnh)			x		x		0	Giữ nguyên

28	2.002898	Thủ tục phát hành, phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị có phát sinh doanh thu (cấp tỉnh)			x		x		0	Giữ nguyên
29	1.001147	Thủ tục thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại			x		x		0	Giữ nguyên
30	1.001229	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại			x		x		0	Giữ nguyên
31	1.001211	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại			x		x		0	Giữ nguyên
32	1.001704	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao)			x		x		0	Giữ nguyên
33	1.001738	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc			x		x		0	Giữ nguyên
34	1.001755	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng			x		x		1	Giữ nguyên
35	1.001778	Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ			x		x		0	Giữ nguyên
36	1.001671	Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao)			x		x		0	Giữ nguyên
37	1.001809	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật			x		x		0	Giữ nguyên

		(thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)								
38	1.001833	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)			x		x		0	Giữ nguyên
39	2.001496	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu nhằm mục đích kinh doanh			x		x		0	Giữ nguyên
40	1.009397	Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật			x		x		99	Giữ nguyên
41	1.009403	Thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu			x		x		0	Giữ nguyên
42	1.009398	Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan			x		x		0	Giữ nguyên
43	1.009399	Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu			x		x		1	Giữ nguyên
44	1.000871	Thủ tục xét tặng "Giải thưởng Hồ Chí Minh" về văn học, nghệ thuật			x		x		0	Giữ nguyên
45	1.000564	Thủ tục xét tặng "Giải thưởng Nhà nước" về văn học, nghệ thuật			x		x		0	Giữ nguyên
46	1.001376	Thủ tục xét tặng danh hiệu "Nghệ sĩ nhân dân" (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại địa phương)			x		x		0	Giữ nguyên
47	1.001108	Thủ tục xét tặng danh hiệu "Nghệ sĩ ưu tú" (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại địa phương)			x		x		0	Giữ nguyên
48	1.001032	Thủ tục xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân" trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể			x		x		0	Giữ nguyên
49	1.000971	Thủ tục xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân ưu tú" trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể			x		x		0	Giữ nguyên

50	2.002839	Thủ tục lựa chọn đề cương để hỗ trợ viết, sáng tác tác phẩm văn học (cấp tỉnh)			x		x		0	Giữ nguyên
51	2.002840	Thủ tục hỗ trợ sáng tác tác phẩm văn học (cấp tỉnh)			x		x		0	Giữ nguyên
52	1.003676	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)			x		x		0	Giữ nguyên
53	1.003654	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)			x		x		0	Giữ nguyên
54	1.004645	Thủ tục thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo			x		x		13	Giữ nguyên
55	1.004650	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn			x		x		1131	Giữ nguyên
56	1.001082	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam			x		x		0	Giữ nguyên
57	1.001091	Thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam			x		x		0	Giữ nguyên
58	1.006412	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam			x		x		0	Giữ nguyên
59	1.012081	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình			x		x		0	Giữ nguyên
60	1.012082	Thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình			x		x		0	Giữ nguyên

61	1.012080	Thủ tục cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình			x		x		0	Giữ nguyên
62	1.003780	Thủ tục cấp lại Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan			x		x		0	Giữ nguyên
63	1.003801	Thủ tục cấp Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan			x		x		0	Giữ nguyên
64	1.003560	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu			x		x		0	Giữ nguyên
65	1.003743	Thủ tục kiểm tra chuyên ngành văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh trước khi xuất khẩu			x		x		0	Giữ nguyên
66	1.003784	Thủ tục thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm (trừ di vật, cổ vật) không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh			x		x		0	Giữ nguyên
67	1.003888	Thủ tục trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài (địa phương)			x		x		0	Giữ nguyên
68	1.009374	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản bản tin			x		x		5	Giữ nguyên
69	1.009386	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin			x		x		0	Giữ nguyên
70	1.013781	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép hoạt động báo chí in, giấy phép hoạt động báo chí điện tử đối với cơ quan báo chí của địa phương			x		x		0	Giữ nguyên
71	1.013782	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí đối với cơ quan báo chí của			x		x		0	Giữ nguyên

		địa phương								
72	1.013784	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí đối với cơ quan báo chí của địa phương			x		x		0	Giữ nguyên
73	1.013785	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương			x		x		0	Giữ nguyên
74	1.013788	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản đặc san đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp của địa phương			x		x		0	Giữ nguyên
75	1.013790	Thủ tục đăng ký danh mục báo chí nhập khẩu			x		x		0	Giữ nguyên
76	1.013789	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản đặc san đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp của địa phương			x		x		0	Giữ nguyên
77	3.000574	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép mở chuyên trang của báo chí điện tử đối với cơ quan báo chí của địa phương			x		x		0	Giữ nguyên
78	1.116487	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động của cơ sở kinh doanh dịch vụ phát hành báo chí nhập khẩu đối với cơ quan báo chí của địa phương			x		x		0	Giữ nguyên
80	3.000575	Thủ tục chấp thuận thay đổi biểu tượng ghi trong giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trong nước (cho cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình cấp tỉnh)			x		x		0	Giữ nguyên
81	1.116208	Thủ tục chấp thuận thay đổi biểu tượng ghi			x		x		0	Giữ nguyên

		trong giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình (cho cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình cấp tỉnh)								
82	2.001765	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh			x		x		0	Giữ nguyên
83	1.003384	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh			x		x		0	Giữ nguyên
84	1.004104	Thủ tục công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình			x		x		0	Giữ nguyên
85	1.004233	Thủ tục gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền			x		x		0	Giữ nguyên
86	1.004321	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền			x		x		0	Giữ nguyên
87	1.002001	Thủ tục cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng			x		x		0	Giữ nguyên
88	1.001976	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng			x		x		0	Giữ nguyên
89	1.004250	Thủ tục gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng			x		x		0	Giữ nguyên
90	1.004508	Thủ tục cấp Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng			x		x		0	Giữ nguyên
91	1.005452	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp			x		x		0	Giữ nguyên
92	2.001098	Thủ tục cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp			x		x		1	Giữ nguyên

93	2.001091	Thủ tục gia hạn Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp			x		x		0	Giữ nguyên
94	2.001168	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội			x		x		0	Giữ nguyên
95	2.001169	Thủ tục gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội			x		x		0	Giữ nguyên
96	2.002738	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng			x		x		0	Giữ nguyên
97	2.002739	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng			x		x		0	Giữ nguyên
98	2.002773	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội			x		x		0	Giữ nguyên
99	2.002772	Thủ tục cấp giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội			x		x		0	Giữ nguyên
100	1.003868	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh			x		x		128	Giữ nguyên
101	1.013699	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài			x		x		0	Giữ nguyên
102	1.013698	Thủ tục cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài			x		x		0	Giữ nguyên
103	2.001564	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài (địa phương)			x		x		0	Giữ nguyên

104	2.001584	Thủ tục cấp lại Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm			x		x		0	Giữ nguyên
105	2.001594	Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm			x		x		0	Giữ nguyên
106	2.001737	Thủ tục xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in (cấp tỉnh)			x		x		0	Giữ nguyên
107	2.001740	Thủ tục xác nhận đăng ký hoạt động in (cấp tỉnh)			x		x		0	Giữ nguyên
108	1.003483	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm			x		x		4	Giữ nguyên
109	1.000560	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh			x		x		0	Giữ nguyên
110	1.000544	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam			x		x		1	Giữ nguyên
111	1.000485	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin			x		x		0	Giữ nguyên
112	1.000883	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn			x		x		0	Giữ nguyên
113	1.000904	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate			x		x		0	Giữ nguyên
114	1.000842	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo			x		x		0	Giữ nguyên

115	1.000830	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Diều bay			x		x		0	Giữ nguyên
116	1.000983	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng			x		x		0	Giữ nguyên
117	1.001195	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo			x		x		2	Giữ nguyên
118	1.001056	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao			x		x		0	Giữ nguyên
119	1.001213	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển			x		x		0	Giữ nguyên
120	1.001517	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao			x		x		0	Giữ nguyên
121	1.001801	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao			x		x		0	Giữ nguyên
122	1.001782	Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương			x		x		0	Giữ nguyên
123	1.002013	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức			x		x		0	Giữ nguyên

124	1.002022	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức			x		x		0	Giữ nguyên
125	1.002396	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao			x		x		0	Giữ nguyên
126	1.002445	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp			x		x		0	Giữ nguyên
127	1.003441	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận			x		x		0	Giữ nguyên
128	1.005162	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu			x		x		0	Giữ nguyên
129	1.005357	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí			x		x		0	Giữ nguyên
130	2.002188	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng			x		x		0	Giữ nguyên
131	1.001440	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm			x		x		4	Giữ nguyên
132	1.001455	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch			x		x		0	Giữ nguyên
133	1.001837	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh			x		x		0	Giữ nguyên

		doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài								
134	1.003002	Thủ tục gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài			x		x		0	Giữ nguyên
135	1.003240	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện			x		x		0	Giữ nguyên
136	1.003275	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy			x		x		0	Giữ nguyên
137	1.003490	Thủ tục công nhận khu du lịch cấp tỉnh			x		x		1	Giữ nguyên
138	1.003717	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài			x		x		0	Giữ nguyên
139	1.004503	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch			x		x		0	Giữ nguyên
140	1.004528	Thủ tục công nhận điểm du lịch			x		x		1	Giữ nguyên
141	1.004572	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch			x		x		0	Giữ nguyên
142	1.004551	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch			x		x		0	Giữ nguyên

143	1.004580	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch			x		x		1	Giữ nguyên
144	1.004605	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế			x		x		0	Giữ nguyên
145	1.004594	Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch			x		x		5	Giữ nguyên
146	1.014144	Thủ tục điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài			x		x		0	Giữ nguyên
147	1.014191	Thủ tục cấp đổi biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa (thẩm quyền của Sở Xây dựng).			x		x		0	Giữ nguyên
148	1.014190	Thủ tục cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa (thẩm quyền của Sở Xây dựng)			x		x		0	Giữ nguyên
149	1.014192	Thủ tục cấp lại biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa (thẩm quyền của Sở Xây dựng).			x		x		0	Giữ nguyên
150	1.014629	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành, giải thể hoặc phá sản			x		x		1	Giữ nguyên
151	2.001628	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa			x		x		8	Giữ nguyên

152	1.004614	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch			x		x		0	Giữ nguyên
153	1.004623	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa			x		x		30	Giữ nguyên
154	1.004628	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế			x		x		10	Giữ nguyên
155	1.001432	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa			x		x		3	Giữ nguyên
III	**Lĩnh vực: Công thương**									
1	2.000026.H48	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại nước ngoài			x		x		0	
2	2.000133.H48	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài			x		x		0	
3	1.115399.H48	Thành lập Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng			x		x		0	
4	1.115400.H48	Chấm dứt hoạt động của Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng			x		x		0	
5	2.001573.H48	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp			x		x		0	
6	1.003705.H48	Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp			x		x		0	
7	2.000324.H48	Kiểm tra kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương			x		x		0	
8	1.003401.000.00.00.H48	Thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng VLNCN, tiền chất thuốc nổ				x	x		1	
9	2.000229.000.00.00.H48	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp				x	x		53	
10	2.000210.000.	Cấp lại chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an				x	x		0	

	00.00.H48	toàn vật liệu nổ công nghiệp								
11	2.000221.000.00.00.H48	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ				x	x		1	
12	2.000172.000.00.00.H48	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ				x	x		0	
13	2.001434.000.00.00.H48	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh				x	x		34	
14	2.001433.000.00.00.H48	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh				x	x		3	
15	1.013058.H48	Cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân Tỉnh				x	x		4	
16	1.000998.H48	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ			x		x		0	
17	1.000965.H48	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ			x		x		0	
18	1.013049.H48	Đăng ký mới để nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp			x		x		0	
19	1.013050.H48	Đăng ký bổ sung để nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp			x		x		0	
20	2.001575.H48	Cấp giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp			x		x		0	
21	1.003698.H48	Cấp lại giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp			x		x		0	

22	2.000578.H48	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp			x		x		0	
23	1.014722.H48	Cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất thuộc thẩm quyền cấp của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh			x		x		7	
24	1.014724.H48	Thủ tục cấp lại chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất thuộc thẩm quyền cấp của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh			x		x		0	
25	1.014726.H48	Thủ tục cấp điều chỉnh chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất thuộc thẩm quyền cấp của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh			x		x		1	
26	1.014728.H48	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2			x		x		0	
27	1.014732.H48	Cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2			x		x		1	
28	1.014735.H48	Cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2			x		x		0	
29	1.014734.H48	Cấp lại Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất kiểm soát đặc biệt nhóm 2			x		x		0	
30	1.014733.H48	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2			x		x		0	
31	1.014731.H48	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2			x		x		38	
32	1.014730.H48	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2			x		x		0	
33	1.014729.H48	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm			x		x		0	

		2								
34	2.002836.H48	Cấp gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2			x		x		0	
35	1.014727.H48	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh			x		x		0	
36	1.014725.H48	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh			x		x		0	
37	1.014723.H48	Thủ tục cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh			x		x		0	
38	1.014721.H48	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện				x	x		0	
39	1.014720.H48	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện				x	x		5	
40	1.014714.H48	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất có điều kiện				x	x		1	
41	2.002834.H48	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện				x	x		0	
42	1.014710.H48	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện				x	x		0	
43	1.003683.H48	Thủ tục thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hoá chất			x		x		0	
44	1.014700.H48	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1			x		x		28	

45	1.014701.H48	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1			x		x		0	
46	1.014702.H48	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1			x		x		0	
47	1.014703.H48	Cấp gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1			x		x		0	
48	1.014707.H48	Cấp Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm			x		x		0	
49	1.014708.H48	Cấp lại Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm			x		x		0	
50	1.014709.H48	Cấp điều chỉnh Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm			x		x		0	
51	1.013340.H48	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8			x		x		0	
52	1.013350.H48	Cấp điều chỉnh Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8			x		x		0	
53	1.013351.H48	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8			x		x		0	
54	1.014711.H48	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc Bộ Công Thương quản lý (phân cấp về cho Ủy ban)			x		x		0	
55	1.014712.H48	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc Bộ Công Thương quản lý (phân cấp về cho Ủy ban)			x		x		0	
56	1.014713.H48	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc Bộ Công Thương quản lý (phân cấp			x		x		0	

		về Ủy ban nhân dân tỉnh)								
57	1.014818.H48	Cấp điều chỉnh Giấy xác nhận ưu đãi thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh			x		x		0	
58	1.014820.H48	Cấp lại Giấy xác nhận ưu đãi thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh			x		x		0	
59	2.000591.000.00.00.H48	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm				x	x		51	
60	2.000535.000.00.00.H48	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm				x	x		12	
61	2.001682.H48	Đăng ký chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước			x		x		0	
62	1.003951.H48	Đăng ký gia hạn chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước			x		x		0	
63	2.001660.H48	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước			x		x		0	
64	1.003860.H48	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm			x		x		0	
65	2.001595.H48	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm			x		x		0	
66	1.003929.H48	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm			x		x		0	

67	2.000117.H48	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm				x	x		13	
68	2.000115.H48	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm				x	x		8	
69	1.000376.H48	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam			x		x		0	
70	1.000361.H48	Cấp lại Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam			x		x		0	
71	2.000129.H48	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam			x		x		0	
72	1.000358.H48	Gia hạn Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam			x		x		0	
73	1.000168.H48	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam			x		x		0	
74	3.000619.H48	Chấp thuận nhà đầu tư dự án lưới điện			x		x		6	
75	3.00062.H48	Điều chỉnh Quyết định chấp thuận nhà đầu tư dự án lưới điện			x		x		0	
76	1.115377.H48	Thông báo phát triển nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ đấu nối với hệ thống điện quốc gia tại cấp điện áp hạ áp						x		
77	1.014125.H48	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản			x		x		0	
78	1.014126.H48	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản			x		x		0	
79	1.014127.H48	Thu hồi giấy chứng nhận huấn luyện kỹ			x		x		0	

		thuật an toàn trong khai thác khoáng sản								
80	2.000140.H48	Cấp chứng chỉ kiểm định viên			x		x		0	
81	2.000066.H48	Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên			x		x		0	
82	1.000981.H48	Cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá			x		x		0	
83	1.000948.H48	Cấp lại Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá			x		x		0	
84	1.000911.H48	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá			x		x		0	
85	2.000209.H48	Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại			x		x		0	
86	1.000172.H48	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá			x		x		0	
87	1.000949.H48	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu			x		x		0	
88	1.001335.H48	Nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước			x		x		0	
89	1.013778.H48	Thủ tục gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh			x		x		0	
90	1.000350.H48	Cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam			x		x		0	

91	1.005405.H48	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam			x		x		0	
92	1.005406.H48	Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam			x		x		0	
93	1.001062.H48	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất			x		x		0	
94	1.000957.H48	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác			x		x		0	
95	1.000905.H48	Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập			x		x		0	
96	1.000890.H48	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu			x		x		0	
97	1.000477.H48	Thủ tục cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật			x		x		0	
98	1.000363.H48	Cấp phép nhập khẩu tự động thuốc lá điếu, xì gà			x		x		0	
99	1.000400.H48	Cấp Chứng thư xuất khẩu cho hàng dệt may xuất khẩu sang Mêhico			x		x		0	
100	1.001238.H48	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu			x		x		1	
101	1.001104.H48	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với			x		x		0	

		hàng hóa xuất khẩu								
102	1.004191.H48	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép: kinh doanh tạm nhập, tái xuất; tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác; tạm xuất, tái nhập; kinh doanh chuyển khẩu			x		x		0	
103	1.000264.H48	Đăng ký xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan xuất khẩu mật ong tự nhiên sang Nhật Bản			x		x		0	
104	1.014119.H48	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VI			x		x		0	
105	1.000665.H48	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu D			x		x		0	
106	1.000695.H48	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu E			x		x		2	
107	1.000603.H48	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AK			x		x		0	
108	1.000432.H48	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AJ			x		x		0	
109	2.000303.H48	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AI			x		x		0	
110	1.000694.H48	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AANZ			x		x		0	
111	1.000676.H48	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu S			x		x		0	
112	2.000260.H48	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu X			x		x		0	
113	1.000686.H48	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá			x		x		0	

		(C/O) ưu đãi mẫu VJ								
114	1.000664.H48	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VC			x		x		0	
115	1.000431.H48	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VK			x		x		0	
116	1.000382.H48	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu EAV			x		x		0	
117	1.000490.H48	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu A			x		x		0	
118	1.000450.H48	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) không ưu đãi mẫu B			x		x		30	
119	1.000430.H48	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu DA59 (cho hàng hóa xuất khẩu đi Châu Phi)			x		x		0	
120	1.000398.H48	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu ICO (cho hàng cà phê xuất khẩu)			x		x		0	
121	1.003477.H48	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Peru			x		x		0	
122	1.003400.H48	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Thổ Nhĩ Kỳ			x		x		0	
123	1.002960.H48	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Venezuela			x		x		0	
124	1.001383.H48	Cấp lại Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O)			x		x		0	
125	1.003522.H48	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) giáp lưng			x		x		0	
126	2.001372.H48	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá			x		x		0	

		(C/O) ưu đãi mẫu CPTPP								
127	1.007968.H48	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AHK			x		x		0	
128	1.008361.H48	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VN-CU			x		x		0	
129	1.008667.H48	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu EUR.1			x		x		0	
130	1.010056.H48	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu EUR.1 trong UKVFTA			x		x		0	
131	1.010762.H48	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu RCEP			x		x		0	
132	1.001274.H48	Cấp Giấy chứng nhận hàng hóa không thay đổi xuất xứ (CNM)			x		x		0	
133	1.013642.H48	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu GSTP			x		x		0	
134	1.013643.H48	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu BR9			x		x		0	
135	1.000366.H48	Cấp Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN			x		x		0	
136	1.008882.H48	Cấp sửa đổi, bổ sung Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN			x		x		0	
137	1.000421.H48	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy phép quá cảnh			x		x		0	
138	1.012168.H48	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương			x		x		0	
139	1.012527.H48	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện			x		x		0	

		là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA								
140	1.115117.H48	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu UAE-VN			x		x		0	
141	2.001282.H48	Thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc diện áp dụng biện pháp tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu			x		x		0	
142	1.013771.H48	Thủ tục cấp Giấy phép gia công hàng hóa thuộc diện hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu			x		x		0	
143	1.001379.H48	Gia hạn thời gian quá cảnh hàng hóa của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam			x		x		0	
144	2.000654.H48	Thay đổi cửa khẩu xuất khẩu, nhập khẩu quá cảnh hàng hóa của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam			x		x		0	
145	2.000006.H48	Cấp phép quá cảnh hàng hoá của nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào qua lãnh thổ Việt Nam			x		x		0	
146	1.013982.H48	Gia hạn giấy phép quá cảnh hàng hóa của nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào qua lãnh thổ Việt Nam			x		x		0	
147	2.000521.H48	Cấp Giấy phép quá cảnh đối với hàng hóa thuộc danh mục cấm của Việt Nam nhưng không thuộc danh mục cấm của Campuchia			x		x		0	
148	1.000678.H48	Cấp Giấy phép quá cảnh đối với hàng hóa			x		x		0	

		thuộc danh mục cấm Campuchia								
149	1.001051.H48	Cấp Giấy phép quá cảnh đối với mặt hàng gỗ các loại đã qua xử lý			x		x		0	
150	2.000517.H48	Cấp phép tiêu thụ hàng hóa quá cảnh			x		x		0	
151	1.001382.H48	Cấp Giấy phép quá cảnh đối với hàng hóa của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam			x		x		0	
152	2.001192.H48	Thủ tục cấp Giấy phép gia công quân phục xuất khẩu cho các lực lượng vũ trang nước ngoài			x		x		0	
153	1.002808.H48	Thủ tục sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy phép gia công quân phục và Giấy phép nhập khẩu quân phục để làm mẫu			x		x		0	
154	2.001315.H48	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu quân phục để làm mẫu phục vụ hoạt động gia công			x		x		0	
155	1.116351.H48	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy phép gia công hàng hóa			x		x		0	
156	1.116562	Thủ tục xác nhận nhập khẩu kim cương thô theo Quy chế chứng nhận KP			x		x		0	
157	1.116563	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại do mất, thất lạc, hư hỏng Giấy chứng nhận KP đối với kim cương thô xuất khẩu theo Quy chế Chứng nhận KP			x		x		0	
158	1.000658	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận KP đối với kim cương thô xuất khẩu theo Quy chế Chứng nhận KP			x		x		0	
159	1.115417.H48	Thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh			x		x		6	

		doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến								
160	1.115418.H48	Sửa đổi, bổ sung thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến			x		x		1	
161	1.115419.H48	Chấm dứt thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến			x		x		0	
162	1.115420.H48	Cấp phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại			x		x		0	
163	1.115421.H48	Sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại			x		x		0	
164	1.115422.H48	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại			x		x		0	
165	1.013987.H48	Chấp thuận các tài liệu quản lý an toàn đối với các công trình dầu khí thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh			x		x		6	
166	1.014967.H48	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 1 (trừ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ), 2, 3, 4, 9			x		x		83	
167	1.014968.H48	Cấp điều chỉnh Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 1 (trừ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ), 2, 3, 4, 9			x		x		0	
168	1.014969.H48	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 1 (trừ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ), 2, 3, 4, 9			x		x		0	

169	1.115397.H48	Phê duyệt đề xuất hỗ trợ đối với Thành viên của Hệ sinh thái tận dụng các FTA			x		x		0	
170	1.115398.H48	Phê duyệt đề xuất sửa đổi hoặc ngừng thực hiện đề xuất hỗ trợ của Thành viên của Hệ sinh thái tận dụng các FTA			x		x		0	
171	1.012568.H48	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý.						x		
172	1.012569.H48	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ.						x		
173	1.116679	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã						x		
174	1.116678	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã						x		
175	1.116644	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản				x	x		1	
176	1.116652	Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh				x	x		21	
177	1.116653	Cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản				x	x		17	
178	1.116654	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản				x	x		5	
179	1.116655	Điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản				x	x			
180	1.116656	Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản				x	x			
181	1.116657	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản				x	x			

182	1.116649	Thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản				x	x			
183	1.116646	Chấp thuận thay đổi nội dung đề án thăm dò khoáng sản, xác định trữ lượng khoáng sản đi kèm				x	x			
184	1.116651	Bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn				x	x			
185	1.116650	Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh				x	x		26	
186	1.116675	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản				x	x			
187	1.116676	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV				x	x		7	
188	1.116645	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh				x	x			
189	1.116658	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh				x	x		29	
190	1.116659	Cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh				x	x		3	
191	1.116660	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân				x	x		24	

		dân cấp tỉnh								
192	1.116661	Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh				x	x		14	
193	1.116662	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh				x	x		1	
194	1.116680	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh				x	x			
195	1.116663	Cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh				x	x		1	
196	1.116673	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy phép thuộc thẩm quyền cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh				x	x		77	
197	1.116664	Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản				x	x		3	
198	1.116665	Điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt				x	x		2	
199	1.116666	Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản				x	x		16	
200	1.116667	Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản				x	x		30	
201	1.116668	Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản				x	x			
202	1.116669	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản				x	x			
203	1.116670	Điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản				x	x			

204	1.116671	Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản				x	x			
205	1.116672	Chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản				x	x			
206	1.116674	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh				x	x		9	
207	1.116648	Chấp thuận thăm dò, khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản				x	x			
208	1.116647	Chấp thuận việc lấy mẫu để nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ chế biến khoáng sản				x	x			
209	1.116677	Chấp thuận nội dung đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc thực hiện dự án đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia				x	x			
IV	**Lĩnh vực: Dân tộc và Tôn giáo (không có TTHC)**									
V	**Lĩnh vực: Y tế**									
1	1.013855	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.				**x**		**x**		
2	1.006.424	Đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe			**x**		**x**			
3	1.014078	Cho phép nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc có hạn dùng còn lại tại thời điểm thông quan ngắn hơn quy định			**x**		**x**			
4	1.014087	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối			**x**		**x**			

		hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh								
5	1.014090	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh			**x**		**x**			
6	1.014105	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt			**x**		**x**			
7	1.008395	Đánh giá việc đáp ứng Thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên			**x**		**x**			
8	1.008396	Đánh giá định kỳ việc duy trì đáp ứng Thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên			**x**		**x**			
9	1.008397	Đánh giá thay đổi, bổ sung việc đáp ứng Thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên			**x**		**x**			
10	1.008398	Cấp lại Giấy chứng nhận dược liệu đạt GACP trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng			**x**		**x**			
VI	**Lĩnh vực: Khoa học và Công nghệ**									

1	1.014642	Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát nơtron, electron và hạt mang điện khác.			x		x			
2	1.014645	Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Thay đổi quy mô và phạm vi hoạt động của cơ sở bức xạ.			x		x			
3	1.014648	Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - chấm dứt hoạt động của cơ sở bức xạ.			x		x			
4	1.115137	Gia hạn Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát nơtron, electron và hạt mang điện khác; thay đổi quy mô và phạm vi hoạt động của cơ sở bức xạ; chấm dứt hoạt động của cơ sở bức xạ.			x		x			
5	1.115138	Sửa đổi Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát nơtron, electron và hạt mang điện khác; thay đổi quy mô và phạm vi hoạt động của cơ sở bức xạ; chấm dứt hoạt động của cơ sở bức xạ.			x		x			
6	1.115139	Bổ sung Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát nơtron, electron và hạt mang điện khác.			x		x			
7	1.014656	Cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ (trừ người phụ trách an toàn cơ sở sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp			x		x			

		vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp.								
8	1.014657	Khai báo nguồn phóng xạ, chất thải phóng xạ, vật liệu hạt nhân nguồn, vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân, thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp.			x		x			
9	1.014660	Thanh lý nguồn phóng xạ đã qua sử dụng.			x		x			
10	1.014661	Phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ cấp cơ sở.			x		x			
11	1.014662	Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.			x		x			
12	1.014665	Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Lắp đặt nguồn phóng xạ; Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị bức xạ.			x		x			
13	1.014666	Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Đánh giá hoạt độ phóng xạ.			x		x			
14	1.014667	Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ.			x		x			
15	1.014671	Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Tẩy xạ.			x		x			
16	1.014673	Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Thử nghiệm thiết bị bức xạ.			x		x			
17	1.115140	Gia hạn Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ			x		x			

		trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - dịch vụ Lắp đặt nguồn phóng xạ; Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị bức xạ; Thử nghiệm thiết bị bức xạ; Tẩy xạ; Đánh giá hoạt độ phóng xạ; Hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ.								
18	1.115141	Sửa đổi Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - dịch vụ Lắp đặt nguồn phóng xạ; Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị bức xạ; Thử nghiệm thiết bị bức xạ; Tẩy xạ; Đánh giá hoạt độ phóng xạ; Hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ.			x		x			
19	1.014674	Khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp)			x		x		03	
20	1.014675	Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp)			x		x		21	
21	1.014679	Gia hạn Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp)			x		x		21	

22	1.014676	Sửa đổi Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp)			x		x		02	
23	1.014677	Bổ sung Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp)			x		x		06	
24	1.014678	Cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp)			x		x		19	
25	2.002777	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá			x		x		1.540	
26	2.002778	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá			x		x			
27	2.002775	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá			x		x		04	
28	2.002779.H48	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô			x		x			

		tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá								
29	2.002781.H48	Cấp giấy phép sử dụng tần số và đài vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư			x		x			
30	2.002782.H48	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư			x		x			
31	2.002776.H48	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư			x		x			
32	2.002787.H48	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư			x		x			
33	2.002783.H48	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)			x		x		11	
34	2.002784.H48	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)			x		x		7	
35	2.002785.H48	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)			x		x		02	
36	2.002786.H48	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)			x		x			
37	2.002788.H48	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ			x		x		27	

38	2.002789.H48	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ			x		x		9	
39	2.002780.H48	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ			x		x			
40	2.002790.H48	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ			x		x			
41	1.010277	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất			x		x			
42	1.010278	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất			x		x			
43	1.010279	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất			x		x			
44	1.0045	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh			x		x			
45	1.010268	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ			x		x			

		thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh								
46	1.010276	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh			x		x			
47	1.010284	Cấp đổi Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh			x		x			
48	1.010288	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh			x		x			
49	1.010272	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh			x		x			
50	1.01028	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh			x		x			
51	1.010304	Cấp đổi Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin			x		x			

		vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh								
52	1.010308	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh			x		x			
53	1.010316	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh			x		x			
54	1.010317	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh			x		x			
55	1.010297	Cấp đổi Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh			x		x			
56	1.010265	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây			x		x			
57	1.010266	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị			x		x			

		vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây								
58	1.010267	Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây			x		x			
59	1.010281	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu có hoạt động quốc tế			x		x			
60	1.010282	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu có hoạt động quốc tế			x		x			
61	1.010283	Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu có hoạt động quốc tế			x		x			
62	1.010285	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá			x		x			
63	1.010286	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá			x		x			
64	1.010287	Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá			x		x			
65	1.004426	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng không và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không			x		x			
66	1.004186	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị			x		x			

		vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng không và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không								
67	1.010259	Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng không và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không			x		x			
68	1.011892	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng không và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không			x		x			
69	1.010293	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn			x		x			
70	1.010294	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn			x		x			
71	1.010295	Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng			x		x			

		thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn								
72	1.010296	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn			x		x			
73	1.01025.0	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với các giấy phép mẫu 1đ, 1i, 1g1, 1h1			x		x			
74	1.013819	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương			x		x			
75	1.013877	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)			x		x			

76	1.013885	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông			x		x			
77	1.013888	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông			x		x			

78	1.013912	Đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông			x		x			
79	1.013897	Thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ fax gia tăng giá trị			x		x			
80	1.013899	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)			x		x			
81	1.013900	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương			x		x			
82	1.013901	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP			x		x			
83	1.013902	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy			x		x			

		định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP								
84	1.013903	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP			x		x			
85	1.013904	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP			x		x			
86	1.013905	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương			x		x			
87	1.013906	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn			x		x			

		thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)								
88	1.013907	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương			x		x			
89	1.013976	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)			x		x			
90	1.013908	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) và giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông.			x		x			
91	1.013909	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.			x		x			
92	1.013910	Phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá			x		x			
93	1.013911	Hoàn trả số thuê bao di động H2H được			x		x			

		phân bổ theo phương thức đấu giá								
94	2.001856	Công bố, công bố lại chất lượng dịch vụ viễn thông đối với các dịch vụ thuộc "Danh mục dịch vụ viễn thông bắt buộc quản lý chất lượng"			x		x			
95	1.004373	Đăng ký bản thỏa thuận kết nối mẫu			x		x			
96		Hoàn trả mã mạng di động H2H, số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ tin nhắn ngắn được phân bổ theo phương thức đấu giá			x		x			
97	1.014012	Phân bổ mã mạng di động H2H, số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ tin nhắn ngắn theo phương thức đấu giá			x		x			
98	1.014015	Chuyển nhượng quyền sử dụng số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ ứng dụng tin nhắn ngắn, mã mạng di động H2H phân bổ qua phương thức đấu giá			x		x			
99	1.013885	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông			x		x			

		trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông								
100	1.013819	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của các doanh nghiệp viễn thông trừ doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).			x		x			
101	1.013379	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)			x		x			
102	1.013976	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)			x		x			
103	1.013376	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất			x		x			

		(dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP								
104	1.013375	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP			x		x			
105	1.013377	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)			x		x			
106	1.115134	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)			x		x			
107	1.013382	Cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia			x		x			
108	1.013384	Gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia			x		x			
109	1.013383	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia			x		x			

110	1.005444	Cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng			x		x			
111	1.005445	Gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng			x		x			
112	1.003370	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng			x		x			
113	1.003300	Cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông			x		x			
114	1.003249	Gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông			x		x			
115	1.013381	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông			x		x			
116		Kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu có mức độ rủi ro cao đối với sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông			x		x		02	
117	1.014920.H48	Đề nghị thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố			x		x			
118	1.014921.H48	Đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)			x		x			
119	1.014922.H48	Đề nghị kết thúc thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)			x		x			

120	1.014923.H48	Đề nghị điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)			x		x			
121	1.014916	Đề nghị thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên)			x		x			
122	1.014917	Đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên)			x		x			
123	1.014918	Đề nghị kết thúc thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên)			x		x			
124	1.014919	Đề nghị điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên)			x		x			
125	1.014636	Cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu			x		x			
126	1.014637	Cho phép thương nhân thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài			x		x			
127	1.014638	Bổ sung, sửa đổi Giấy phép, cấp lại do mất,			x		x			

		thất lạc Giấy phép cho phép thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài								
128	1.004376	Cấp giấy phép bưu chính (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)			x		x			
129	1.004366	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)			x		x			
130	1.004354	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)			x		x			
131	1.00443	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)			x		x			
132	1.004429	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)			x		x			
133	1.004428	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)			x		x			
134	1.010901	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (phạm vi liên tỉnh, quốc tế)			x		x		01	
135	1.014879.H48	Chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2			x		x		01	
136	1.014880.H48	Điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2			x		x			
137	1.014881.H48	Hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận			x		x			

		chuẩn đo lường								
138	1.014882.H48	Chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường			x		x			
139	1.014883.H48	Điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận, cấp thẻ, cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường			x		x			
140	1.014885.H48	Hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường			x		x			
141	1.014888.H48	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa			x		x			
142	1.014889.H48	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa			x		x			
143	1.014891.H48	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa			x		x			
144	1.014892.H48	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật			x		x			
145	1.014893.H48	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật			x		x			
146	1.014894.H48	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật			x		x			
147	1.014895.H48	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý			x		x			

148	1.014896.H48	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý			x		x			
149	1.014897.H48	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý			x		x			
150	2.002253.H48	Cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân.			x		x			
151		Công bố năng lực của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 1, chuẩn đo lường không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2			x		x			
152		Điều chỉnh nội dung của bản công bố năng lực của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 1, chuẩn đo lường không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2			x		x			
153		Hủy bỏ bản công bố năng lực đã được ghi nhận của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 1, chuẩn đo lường không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2			x		x			
154		Công bố năng lực tư vấn đối với tổ chức tư vấn			x		x			
155		Công bố năng lực tư vấn đối với chuyên gia tư vấn độc lập			x		x			
156		Công bố năng lực đánh giá đối với tổ chức chứng nhận			x		x			

157		Điều chỉnh Bản công bố năng lực tư vấn, đánh giá			x		x			
158		Công bố năng lực đào tạo			x		x			
159		Điều chỉnh Bản công bố năng lực đào tạo			x		x			
160	1.115699	Thủ tục công nhận Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược.			x		x			
161	1.115700	Thủ tục xác nhận doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao.			x		x			
162	1.115701	Thủ tục xác nhận doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ chiến lược.			x		x			
163	1.115702	Thủ tục xác nhận sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, sản phẩm công nghệ chiến lược.			x		x			
164	1.115703	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược.			x		x			
165	1.115704	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược.			x		x			
166	1.013916.H48	Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp			x		x			
167	1.013919.H48	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp			x		x			

168	1.013922.H48	Thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp			x		x			
169	1.013924.H48	Ghi nhận tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp			x		x			
170	1.013925.H48	Ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp			x		x			
171	1.013928.H48	Ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp			x		x			
172	1.013942.H48	Xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp			x		x			
173	1.013954.H48	Xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp			x		x			
174	1.013955.H48	Đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp			x		x			
175	1.013966.H48	Cấp phó bản văn bằng bảo hộ và cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ			x		x		02	
176	1.013968.H48	Đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp			x		x			
177	1.013970.H48	Ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp			x		x			
178	1.013972.H48	Cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp			x		x			
179	1.013973.H48	Ra Quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế			x		x			
180	1.013974.H48	Yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc			x		x			

181	1.015016.H48	Thủ tục giải quyết khiếu nại liên quan đến sở hữu công nghiệp			x		x			
182	1.015014	Thủ tục công nhận cơ sở đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp			x		x			
VII	**Lĩnh vực: Tư pháp**									
1	1.008614	Thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sư			x		x		2	
2	1.001928	Công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài			x		x		0	
3	1.008624	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 18 của Luật Luật sư			x		x		0	
4	1.008.628	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý			x		x		0	
5	1.000.688	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư			x		x		27	
6	1.000.828	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư			x		x		16	
7	1.002.681	Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với người đề nghị là luật sư nước ngoài, kiểm toán viên là người nước ngoài			x		x			
8	2.001130	Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với người đề nghị là công dân Việt Nam			x		x			
9	1.003915	Cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá			x		x		0	

10	1.000802	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề đấu giá			x		x		0	
11	2.001225	Phê duyệt Trang thông tin đấu giá trực tuyến			x		x		0	
12	1.013804	Bổ nhiệm lại công chứng viên			x		x		1	
13	1.013803	Bổ nhiệm công chứng viên			x		x		5	*Nghị định 104/2025/NĐ-CP quy định người có đủ tiêu chuẩn tại Điều 13 Luật Công chứng năm 2024 lập 01 bộ hồ sơ đề nghị bổ nhiệm công chứng viên nhưng hồ sơ lại không có giấy tờ chứng minh tiêu chuẩn của người đề nghị bổ nhiệm. Đồng thời, việc đào tạo nghề công chứng do Học viện Tư pháp thuộc Bộ tư pháp thực hiện trong khi bổ nhiệm công chứng viên thuộc thẩm quyền của*

										UBND tỉnh. Vì vậy, việc kiểm tra, đối chiếu hồ sơ gặp khó khăn. Đề nghị xem xét chỉnh sửa lại thành phần hồ sơ để tạo thuận lợi cho việc kiểm tra, đối chiếu hồ sơ khi thực hiện thủ tục.
14	1.013806	Công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài			x		x		0	
15	1.008921	Công nhận tương đương đào tạo nghề Thừa hành viên			x		x		0	
16	2.000528	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài				Cấp huyện		x	16	
17	1.000893	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân				Cấp huyện		x	14	
18	2.000522	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài				Cấp huyện		x	19	
19	2.000779	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài				Cấp huyện		x	7	
20	1.001695	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài				Cấp huyện		x	4	
21	2.000806	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài				Cấp huyện		x	151	

22	2.000513	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài				Cấp huyện		x		
23	1.001766	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài				Cấp huyện		x	1	
24	2.000497	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài				Cấp huyện		x		
25	2.002189	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài				Cấp huyện		x	9	
26	2.000554	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài				Cấp huyện		x	4	
27	1.001669	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài				Cấp huyện		x		
28	2.000756	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài				Cấp huyện		x		
29	2.000547	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)				Cấp huyện		x	1	
30	2.000748	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc				Cấp huyện		x	119	
VIII	**Lĩnh vực: Giáo dục và Đào tạo**									
1	1.000159	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn và cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ			x		x			

		chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam								
2	2.00013	Thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam			x		x			
3	1.010927	Phê duyệt liên kết đào tạo với nước ngoài của trường trung cấp, trung tâm GDNN			x		x			
4		Cấp phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp tại phân hiệu của trường trung cấp, trường trung học			x		x			
5	658.001	Thành lập, sáp nhập, chia tách Trung tâm GDNN-GDTX			x		x			
6	1.012956	Giải thể trường trung học phổ thông (theo đề nghị)			x		x			
7	1.012958	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông			x		x			
8		Xóa chi phí bồi hoàn			x		x			
9	1.001492	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam			x		x			
10	1.001493	Chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam			x		x			
11	1.001495	Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn;cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam			x		x			
12	1.001496	Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo			x		x			

		đề nghị của các bên liên kết								
13	1.001501	Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài thành lập văn phòng đại diện			x		x			
14	2.000451	Thành lập văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam			x		x			
15	2.00068	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn Quyết định cho phép thành lập Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam			x		x			
16	2.000688	Chấm dứt, liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài			x		x			
17	2.000691	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài			x		x			
18	2.000729	Phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài			x		x			
19	2.001806	Xét tuyển học sinh vào trường dự bị đại học			x		x			
20		Chuyển trường và tiếp nhận học sinh				x		Cơ sở giáo dục		
21		Tiếp nhận học sinh xin học lại				x		Cơ sở giáo dục		
22		Tiếp nhận học sinh Việt Nam từ nước ngoài về nước				x		Cơ sở giáo dục		
23		Tiếp nhận học sinh người nước ngoài				x		Cơ sở		

								giáo dục		
IX	**Lĩnh vực: Nội vụ**									
1	1.013017	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ			x		x		0	Các TTHC được phân cấp có số lượng hồ sơ phát sinh ít, do đó mức độ ảnh hưởng đến tình hình thực hiện nhiệm vụ chung không lớn
2	1.013018	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ			x		x		0	
3	1.013019	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ			x		x		0	
4	1.013020	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (Thủ tục này đến nay đã bị bãi bỏ tại Nghị định số 03/2026/NĐ-CP)			x		x		0	
5	1.013021	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động			x		x		0	
6	1.013022	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ			x		x		4	
7	1.013023	Quỹ tự giải thể			x		x		0	
8	1.013746	Xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin bằng phương pháp thực chứng			x		x		5	
9	1.013747	Lấy mẫu để giám định AND xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin			x		x		4	
10	1.013748	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với thương binh không công tác trong quân đội, công an, người hưởng chính sách như thương binh có vết thương đặc biệt tái			x		x		3	

		phát và điều chỉnh chế độ								
11	1.013750	Thăm viếng mộ liệt sĩ			x			x	Không thống kê được do TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã	
12	1.013727	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập từ 90 ngày trở lên			x		x		0	
13	1.013728	Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của tổ chức, cá nhân Việt Nam đầu tư ra nước ngoài			x		x		0	
14	1.013729	Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của doanh nghiệp trúng thầu, nhận thầu công trình, dự án ở nước ngoài			x		x		0	
15	1.013730	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng từ 90 ngày trở lên)			x		x		0	
16	1.013731	Đăng ký hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài			x		x		0	
17	1.013732	Xác nhận danh sách người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài			x		x		0	
18	1.013733	Chuẩn bị nguồn lao động của doanh nghiệp			x		x		0	

		hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng								
19	1.013734	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết			x		x		0	
20	1.013723	Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu					x		6	
21	1.014199	Cấp giấy phép lao động đối với lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	x				x		1.157	Thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức
22	1.014201	Gia hạn giấy phép lao động đối với lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	x				x		374	
23	1.014200	Cấp lại giấy phép lao động đối với lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	x				x		78	
24	1.014196	Cấp giấy xác nhận đối với lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	x				x		1	
25	1.014198	Gia hạn giấy xác nhận đối với lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	x				x		1	
26	1.014197	Cấp lại giấy xác nhận đối với lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	x				x		0	
X	**Lĩnh vực của Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi (không có TTHC phân cấp, phân quyền)**									
XI	**Lĩnh vực: Tài chính (không có TTHC phân cấp, phân quyền)**									
XII	**Lĩnh vực: Xây dựng**									
1	1.001319	Cấp mới Chứng chỉ đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường bộ			x		x		0	
2	1.013071	Cấp lại Chứng chỉ đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường bộ			x		x		0	

3	1.013277.H48	Chấp thuận đấu nối đối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch				x	x	x	1	
4	1.009479	Xét cấp giấy phép lái tàu			x		x		0	
5	1.005071	Sát hạch cấp giấy phép lái tàu			x		x		0	
6	1.003897	Cấp lại Giấy phép lái tàu			x		x		0	
7	1.005134	Cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu, dùng chung với đường sắt			x		x		0	
8	1.005123	Gia hạn giấy phép xây dựng công trình thiết yếu, dùng chung đường sắt			x		x		0	
XIII	**Lĩnh vực: Ngoại vụ**									
1	2.002311	Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ		x						
2	2.002312	Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ				x	x		4	Triển khai thực hiện tốt
3	2.002313	Cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ		x						
4	2.002314	Cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ				x	x			
XIV	**Lĩnh vực: Thanh tra (không có TTHC phân cấp, phân quyền)**									